

# NGUYỄN ÁI QUỐC- HỒ CHÍ MINH VỚI NHÂN SĨ VÀ TRÍ THỨC

PGS. TS. PHẠM MAI HÙNG

**N**hân sĩ và trí thức đều là những người có trình độ học vấn cao, dùng công sức, thời gian của mình cho lao động trí óc nhằm mục đích sáng tạo (trong nghệ thuật, trong văn học...), phát minh (trong khoa học, kỹ thuật), hoặc trong quản lý. Trong cơ cấu dân số của mỗi quốc gia- dân tộc từ xưa tới nay, thành phần trí thức chỉ chiếm số lượng khiêm tốn, thế nhưng họ lại có vị thế cực kỳ quan trọng, chẳng thế mà ông cha ta từ xưa đã khẳng định: “Hiền tài là nguyên khí của đất nước. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mẽ vươn cao; Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp. Bởi thế các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc gây dựng người tài, kén chọn kẻ sĩ bồi đắp nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ đối với đất nước quan trọng là thế, cho nên quý trọng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng”<sup>1</sup>. Rằng, việc trị nước của đế vương chẳng có gì lớn lao hơn là trọng nhân tài, phép tắc nhà nước rõ ràng hẳn phải đợi bậc hiền thánh, bởi trị nước mà không kén chọn nhân tài, xây dựng mà không nhờ ở hậu thánh thì đều là cầu thả”<sup>2</sup>. Và, cũng lưu ý “Hiền tài đối với quốc gia cũng như người có nguyên khí không thể một ngày nào không có, song kén chọn phải có đường lối, khuyến khích phải có phương pháp”<sup>3</sup>.

Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh sinh trưởng trong một gia đình trí thức- khoa bảng. Ngay từ bé, Người đã được học, tiếp nhận những tri thức cơ bản của Nho học, bước vào tuổi thanh niên, Người được tiếp nhận tri thức Tây học (học trường Quốc học Huế). Chứng kiến những buổi

đàm đạo thân tình giữa phụ thân (cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc) với các chí sĩ nổi tiếng như Phan Bội Châu, Đặng Nguyên Cẩn, Vương Thúc Quý... không chỉ về văn chương, chữ nghĩa, mà nội dung chính là thể sự, là sự nhu nhược của triều nhà Nguyễn, là sự bạo hành, ác độc của thực dân Pháp, là các cuộc khởi nghĩa chống Pháp khắp vùng miền của đất nước, nhưng đều không thành công. Dẫu còn nhỏ tuổi nhưng Nguyễn Tất Thành- tức Nguyễn Ái Quốc hiểu rằng, các cụ đều là những người có nhiệt huyết, có chí hướng yêu nước, thương nòi; Người khâm phục cụ Hoàng Hoa Thám, cụ Phan Đình Phùng... nhưng không tán đồng cách thức thể hiện của họ. Được theo cha đi đây đi đó, Người thông cảm với nỗi khổ của nhân dân; chứng kiến những tội ác của giặc Pháp, Người phẫn nộ. Cũng nhờ nghe các cụ đàm đạo, Người nhận ra rằng, chỉ có thể kháng Pháp thắng lợi, là phải tập hợp, phải đoàn kết được sức mạnh của toàn dân tộc, phải có sự hiểu biết thức thời, mới có thể giúp dân, giúp nước. Khi nghe các từ Tự do, Bình đẳng, Bác ái mà người Pháp thường tô son trát phấn, Người muốn tìm hiểu ngọn nguồn, nội dung, ý nghĩa của các từ đó và quyết định rời quê hương, ra nước ngoài để học hỏi, để tìm đường cứu nước. Năm 1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc. Với khát vọng của tuổi trẻ, với quyết tâm không ngừng nghỉ để học, để tích lũy vốn sống lẫn kinh nghiệm, Nguyễn Tất Thành bất chấp khó khăn, gian khổ, nguy hiểm đối với sinh mạng của chính mình. Để sống, để có điều kiện học

tập, người đã từng làm nghề phụ bếp, quét tuyết, làm bánh, làm ảnh, vẽ truyền thần... tham gia sinh hoạt ở các câu lạc bộ, lúc rảnh rỗi đi thư viện đọc sách. Những năm 20, 30 của thế kỷ XX, tên tuổi Nguyễn Ái Quốc đã nổi như cồn và là mối đe dọa cho chính quyền thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam. Cả bộ máy công quyền của Pháp tìm mọi cách thủ tiêu anh nhưng bất thành. Danh tiếng Nguyễn Ái Quốc đã trở thành huyền thoại. Hình ảnh cao đẹp của Nguyễn Ái Quốc đã thực sự hấp dẫn, lôi cuốn và cảm hoá bất kỳ vị trí thức, nhân sĩ nào có tâm với dân tộc. Với các trí thức làm cách mạng chuyên nghiệp như: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Giàu, Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt, Phan Thanh, Dương Bạch Mai, Nguyễn Ái Quốc vừa là bậc thầy, vừa là lãnh tụ. Với các chí sĩ, quan lại cao cấp trong triều đình Huế, trong Chính phủ Trần Trọng Kim, từ Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn đến Phạm Khắc Hoè, Hồ Đắc Diễm... Hoặ các chức sắc tôn giáo như Phạm Bá Trục, Nguyễn Mạnh Hà, Cao Triều Phát, các thủ lĩnh của đồng bào các dân tộc thiểu số Vi Văn Đình, Nùng Chí Xìn cũng tiếp nhận được từ Nguyễn Ái Quốc ánh hào quang, niềm tin vào sự tất thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, mà Người là linh hồn của sự nghiệp ấy. Năm 1941, nghĩa là sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài. Nguyễn Tất Thành, tức Nguyễn Ái Quốc trở về nước trực tiếp chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam với tư cách là một nhà cách mạng chuyên nghiệp, một trí thức thực thụ, am tường, uyên thâm ở nhiều lĩnh vực; một nhà báo tài ba, một nhà chính luận xuất chúng, một nhà văn có bút pháp trào phúng, sâu lắng mà sắc xảo; một nhà hoạt động thực tiễn không mệt mỏi, có tư duy độc lập, không rập khuôn, không giáo điều...

Cách mạng Tháng 8 năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, trên cương vị là Chủ tịch nước, Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh vốn là người từng trải nên rất coi trọng và sớm nhận thức được vai trò, vị trí của tầng lớp trí thức trong xã hội. Người viết: "Trong các tầng lớp xã hội, người sĩ phu chiếm địa vị hàng đầu"<sup>4</sup>, "thiếu số các Nhà nho hay là các nhà trí thức là các nhà cách mạng dân tộc chủ nghĩa. Chính họ đã kích động mọi cuộc nổi dậy trong quá khứ"<sup>5</sup>. Theo Người, nhân sĩ, trí thức là thứ

men tốt, cần phải kéo về mình"<sup>6</sup>. Vì thế, một tháng sau khi đọc "Tuyên ngôn Độc lập", một mặt Người chỉ thị: "Tìm người tài đức". Trong chỉ thị đó Người nhấn mạnh: "Nhà nước cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài đức"<sup>7</sup>. Một mặt khác, tự nhận thấy mình có lỗi là chưa phát hiện hết những người vừa có tài, vừa có đức để tập hợp trong khối đại đoàn kết dân tộc, và, "nay muốn sửa điều đó và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết.

Báo cáo phải nói rõ: tên tuổi, nghề nghiệp, tài năng, nguyện vọng và chỗ ở của người đó.

Hạn trong một tháng, các cơ quan địa phương phải báo cáo cho đủ"<sup>8</sup>. Thế là chỉ sau một thời gian ngắn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có trong tay danh sách những người tài, đức hiện đang sinh sống ở mọi vùng, miền trong cả nước để xem xét, cất nhắc, bổ dụng vào những công việc, những vị trí thích hợp với khả năng chuyên sâu của họ. Hơn thế, Người còn trực tiếp mời, tiếp kiến họ, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của họ, động viên, khích lệ họ hăng hái tham gia kháng chiến, kiến quốc, gạt bỏ tự ti, gạt bỏ những kỳ thị, những định kiến không íay. Về phần mình, số đông thuộc thế hệ nhân sĩ, trí thức thời kỳ cách mạng tháng Tám và sau đó, khi biết rõ Nguyễn Ái Quốc chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh - biểu tượng mà họ ngưỡng mộ, và, nhất là sau khi được Người tiếp chuyện thân tình, cởi mở, nhân ái, bao dung, vị tha, họ hoàn toàn bị chinh phục và tỏ ra thức thời, có sự lựa chọn sáng suốt vị trí của mình trước yêu cầu của dân tộc, của thời đại. Thế là hàng loạt nhân sĩ, trí thức hưởng ứng nồng nhiệt lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tự nguyện rời bỏ địa vị cao sang, cuộc sống sung túc, tự nguyện đóng góp trí tuệ và tài sản cá nhân cho sự nghiệp chung của cách mạng.

Có thể khẳng định: Bằng uy tín lớn, bằng nhân cách lớn, bằng lối sống giản dị "giàu sang không bị quyến rũ, uy vũ không bị khuất phục", bao dung và độ lượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thu hút được hầu hết các nhân sĩ, trí thức thuộc giới Nho học, cũng như Tây học, ở nông thôn cũng như ở thành thị; Người đã giành cho họ niềm tin, lòng quý mến, trách nhiệm và vinh dự,

tiếp tục đào tạo, sử dụng có hiệu quả cao tài năng của họ. Do đó, chúng ta không lấy gì làm lạ là, trong thành phần chính phủ lâm thời do Người chủ trì, bên cạnh các nhà trí thức hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, có tên tuổi các nhân sĩ, trí thức Nho học và Tây học như: Vũ Đình Hoè (Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội), Nguyễn Mạnh Hà (Bộ trưởng Bộ Kinh tế quốc gia), Hoàng Tích Trí (Thứ trưởng Bộ Y tế), Phạm Ngọc Thạch (Bộ trưởng Bộ Y tế), Hoàng Minh Giám (Đồng lý Văn phòng Bộ Ngoại giao), Vũ Trọng Khánh (Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Dương Đức Hiền (Bộ trưởng Bộ Thanh niên), Đào Trọng Kim (Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải), Huỳnh Thúc Kháng (Bộ trưởng Bộ Nội vụ), Nguyễn Văn Xuân (Bộ trưởng không bộ). Quốc hội khoá I, kỳ họp thứ II (từ ngày 28- 10 đến ngày 9- 11- 1946), trong thành phần Chính phủ mới, thay thế cho Chính phủ liên hợp kháng chiến (thành lập ngày 11- 11- 1946) có 18 thành viên, trong đó có 12 nhân sĩ, trí thức, chúng ta thấy có cụ Bùi Bằng Đoàn, nguyên Bộ trưởng Bộ Hình của triều đình Huế, được bầu làm Trưởng Ban Thường vụ Quốc hội. Trong thành phần Chính phủ mới (chính thức thành lập ngày 3- 11- 1946) có cụ Huỳnh Thúc Kháng (Bộ trưởng Bộ Nội vụ), Nguyễn Văn Tố (Bộ trưởng Bộ Cứu tế), Nguyễn Văn Huyền (Bộ trưởng Bộ Giáo dục), Trần Đăng Khoa (Bộ trưởng Bộ Giao thông), Vũ Đình Hoè (Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Trịnh Văn Bính (Thứ trưởng Bộ Tài chính), Đặng Phúc Thông (Thứ trưởng Bộ Giao thông), Cù Huy Cận (Thứ trưởng Bộ Canh nông), Hoàng Minh Giám (Đồng lý Văn phòng Bộ Nội vụ). Đến năm 1947, nhằm thực hiện tinh liên hiệp rộng rãi hơn, một số nhân sĩ, trí thức được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời đảm nhận các trọng trách mới như Phan Anh (Bộ trưởng Bộ Kinh tế), Hoàng Minh Giám (Bộ trưởng Bộ Ngoại giao), Tạ Quang Bửu (Bộ trưởng Bộ Quốc phòng), Đặng Văn Hưởng (Bộ trưởng không bộ). Không chỉ trọng dụng nhân sĩ, trí thức, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn quan tâm chu đáo tới đời sống của họ, của gia đình họ, sẵn sàng san sẻ kinh nghiệm, động viên họ gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, uốn nắn những lệch lạc, những hạn chế của họ, vui với niềm vui của họ và cũng kịp thời chia sẻ với những nỗi buồn, với những mất mát lớn của họ.

Được sống trong bầu không khí hồ hởi, phấn

khởi và tự hào của một quốc gia vừa mới giành được độc lập, dân tộc vừa giành được quyền tự do, lại được Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng, trọng dụng, về cơ bản tư tưởng của các nhân sĩ, trí thức đã được khai sáng, bản lĩnh chính trị được bồi đắp, ý thức công dân thực sự được trỗi dậy, và họ đã tình nguyện đứng trong hàng ngũ của những người cách mạng, đứng trong khối đại đoàn kết dân tộc, dù ở cương vị nào họ cũng đã toàn tâm, dốc sức hiến dâng tài năng và trí tuệ cho sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc của dân tộc. Nhớ lại và ngẫm suy, GS.TS. Nguyễn Văn Huyền, khi nhận trách nhiệm: Bộ trưởng Bộ Giáo dục, ông thấy quá khó, trình bày với Chủ tịch Hồ Chí Minh những khó khăn của mình, Người động viên: “Khó? Bác giúp nghiên cứu cùng làm, quyết tâm là được”. GS. BS. Hồ Đắc Di, Hiệu trưởng trường Đại học Y đầu tiên, cho đến cuối đời mình vẫn nhớ như in lời dạy của Bác, khi Bác tới thăm trường ngày khai giảng: “Lương y phải như từ mẫu và y học cũng phải dựa trên nguyên tắc: khoa học, dân tộc, đại chúng”. Ông tự bạch: Càng sống lâu, càng suy ngẫm, càng hiểu biết rộng, càng nhìn thấu Kim, Cổ, Đông, Tây, ta càng thấy rõ Bác Hồ của chúng ta quả là bậc vĩ nhân của các vĩ nhân. Theo tôi, Người là một Einstein về mặt đạo đức. Lời nói nào của chúng ta có sâu xa, đẹp đẽ đến đâu cũng không thể nào nói lên đầy đủ tầm vóc của Người”. “Trong cuộc đời của tôi đã có nhiều dịp được gặp Hồ Chủ tịch. Mỗi lần gặp diễn ra trong một hoàn cảnh khác nhau, một thời kỳ khác nhau, nhưng mỗi cuộc gặp gỡ ấy đều bao hàm một ý nghĩa riêng, có tính quyết định phương hướng hành động của mình”. Tương tự thế, GS. VS. Bác sĩ Tôn Thất Tùng, khi hay tin Bác qua đời, trong niềm thương, xúc động, nói trong tiếng khóc và nước mắt: “Công ơn Bác đối với con thật như trời, như bể... Chính Bác đã thay đổi đời con, quyết định cả một sự nghiệp khoa học của con. Bác là người cha, người thầy tái sinh và dạy dỗ con... Nếu quả tôi có đóng góp chút ít cho khoa học chính là nhờ tôi biết học và hành bài học đoàn kết của Bác Hồ”. GS. Tạ Quang Bửu khẳng định: Được gặp Bác khác gì điều gặp gió.

Các vị nhân sĩ như cụ Huỳnh Thúc Kháng, khi đã hoàn toàn “tâm phục, khẩu phục” Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhận làm “quan cách mạng”.



Có lúc giữ cương vị Quyền Chủ tịch nước thấy quá sức khi có biến động. Cụ thật sự yên tâm khi nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh động viên: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” - Lấy cái không biến đổi để ứng phó với muôn vàn sự biến đổi. Cụ coi đó là phương châm hành động đối phó với tình hình suốt thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nước Cộng hoà Pháp với tư cách là thượng khách vào năm 1946 và cụ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Cụ rút ra: “Người thân yêu, kính mến của đồng bào quốc dân chúng ta là Hồ Chí Minh tiên sinh, là bậc yêu nước đại chí sĩ... là nhà linh nghiệp cách mạng đại chuyên gia. Chân đi khắp năm châu, mắt trông xa vạn dặm, nhận rõ thời cuộc, lại dò thời cơ”.

Vài ví dụ nêu trên, đủ để nhận thấy rằng: Chủ tịch Hồ Chí Minh rất trọng dụng nhân tài và quan trọng hơn là sắp xếp, bố trí họ vào những công việc đúng sở trường, đúng nghề để phát huy tốt năng lực chuyên môn sâu của họ đúng như Người nói: “Người đời ai cũng có chỗ hay chỗ dở... Dùng người như dùng gỗ (dụng nhân như dụng mộc). Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong đều tùy chỗ mà dùng được, khéo dùng cán bộ còn phải biết kết hợp cán bộ già, cán bộ trẻ, cán bộ cũ, cán bộ mới”<sup>9</sup>.

Thực tế đã chứng minh, đi theo con đường của Người, nhiều nhân sĩ, trí thức thành danh đã trở thành doanh nhân, anh hùng lao động, có công lớn với cách mạng, với dân tộc như Trần Đại Nghĩa (tên thật là Phạm Quang Lễ), Trần Hữu Tước, Tôn Thất Tùng, Đặng Văn Ngữ, Phạm Ngọc Thạch, Lương Đình Của... Nhiều trí thức lớn được Nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh như: GS. TS. Nguyễn Văn Huyền, GS. KT. Nguyễn Xiển, GS. BS. Nguyễn Văn Hưởng, GS. BS. Hồ Đắc Di, GS. Đỗ Văn Hỷ, GS. Tạ Quang Bửu, GS. BS. Phạm Ngọc Thạch, GS. Đỗ Tất Lợi, GS. Đào Duy Anh, GS. TS. Lê Văn Thiêm, GS. TSKH. VS. Lương Đình

Của, GS. VS. BS. Tôn Thất Tùng, GS. TS. Bùi Huy Đáp, GS. TS. Hoàng Xuân Hãn, GS. TS. Trần Đức Thảo, GS. Cao Xuân Huy, GS. NGND. Trần Văn Giàu v.v...

Quý trọng trí thức là tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chiến lược con người, chiến lược đại đoàn kết dân tộc. Kế thừa, phát huy tính nhân văn của tư tưởng đó, ngay từ năm 1957, Đảng ta đã thể hiện rõ “Chính sách của Đảng đối với trí thức” (công bố ngày 29 tháng 8 năm 1957). Đảng coi “trí thức là vốn quý của dân tộc. Không có trí thức hợp tác với công nông binh thì cách mạng không thể hoàn thành được. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 7 của Đảng, Đảng khẳng định: “Trong cách mạng dân tộc- dân chủ, vai trò của trí thức đã quan trọng, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, vai trò của trí thức càng quan trọng”. Hơn thế, tới Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng, Đảng nâng vị thế của trí thức lên một tầm cao mới: Cùng với giáo dục, khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu; để thật sự có một nền kinh tế tri thức, phải có nhân tài, trí thức phải được coi trọng và đó cũng là tư tưởng nhất quán của Đảng khi tiếp nối thực thi chiến lược con người, chiến lược “trồng người” của Chủ tịch Hồ Chí Minh./.

P.M.H

**Chú thích:**

- 1- Đỗ Văn Ninh, *Văn bia Quốc tử Giám Hà Nội*, Nxb. Văn hoá Thông tin, H, 2000, tr. 86- 87.
- 2- *Sách đã dẫn*, tr. 96.
- 3- *Sách đã dẫn*, tr. 122.
- 4- *Hồ Chí Minh- Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, 2000, tập 1, tr. 398, tr. 204.
- 5- *Sách đã dẫn*, tập 3, tr. 197.
- 6- *Sách đã dẫn*, tập 3, Tr. 198.
- 7- *Báo Cứu quốc*, số ra ngày 20- 11- 1946.
- 8- *Báo Cứu quốc*, số ra ngày 20- 11- 1946.
- 9- *Hồ Chí Minh- Toàn tập*, sđd, tập 5, tr. 72.

**PHẠM MAI HÙNG: NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH WITH INTELLECTUALS**

Appreciate intellectuals is a great thought of President Hồ Chí Minh in the strategy of human resource and national solidarity. By his great prestige, personality and simple way of life in the process of leading the State and the Communist Party, President Hồ Chí Minh had attracted and used lots of intellectuals in many areas to serve the nation and the people with him.